



SẢN KHOA (OBSTETRICS)

Dashboard ► My courses ► SK ►

CHUYÊN ĐỀ 4: QUẢN LÝ THAI Ở NỬA SAU THAI KỲ ► PRETEST CHUYEN DE 4 PHAN 5

Question 1

Not yet
answered

Marked out of
1.00

1. Đối tượng nào nằm ngoài dân số mục tiêu của tầm soát đại trà GDM bằng OGTT-75?

- ☒ a. Những thai phụ đã biết có đái tháo đường trước khi mang thai
- ☐ b. Những thai phụ đã từng mắc GDM trong (các) thai kì trước
- ☐ c. Những thai phụ có sẵn bất dung nạp glucose trước mang thai
- ☐ d. Thực hiện OGTT-75 cho mọi thai phụ, không có ngoại lệ nào

Question 2

Not yet
answered

Marked out of
1.00

2. Diễn giải nào là chính xác cho một kết quả OGTT-75 âm tính ở tuần 24th của thai kỳ?

- ☐ a. Hiện tại, thai phụ không có tình trạng đề kháng insulin
- ☐ b. Thai phụ không có nguy cơ sẽ bị mắc đái tháo đường thai kỳ
- ☒ c. Hiện tại, thai phụ không có tình trạng rối loạn dung nạp glucose
- ☐ d. Cả 3 diễn giải trên về kết quả OGTT-75 (-) cùng là chính xác

Question 3

Not yet
answered

Marked out of
1.00

3. Vì sao chỉ được phép thực hiện OGTT-75 cho các thai phụ mang thai có tuổi thai ≤ 28 tuần?

- ☐ a. Do việc thực hiện test này trong tam cá nguyệt 3rd có thể gây nguy hiểm cho thai
- ☐ b. Do việc thực hiện test này trong tam cá nguyệt 3rd có thể gây nguy hiểm cho mẹ
- ☒ c. Do việc thực hiện test này trong tam cá nguyệt 3rd có tỉ lệ dương tính giả rất cao
- ☐ d. Do việc thực hiện test này trong tam cá nguyệt 3rd có tỉ lệ âm tính giả rất cao

Question 4

Not yet
answered

Marked out of
1.00

4. FIGO khuyến cáo cần tầm soát GDM ở thời điểm sớm nhất có thể được trong thai kỳ. Làm cách nào để thực thi khuyến cáo này trong điều kiện nguồn lực của Việt Nam?

- ☒ a. Bảng đánh giá nguy cơ lâm sàng ở lần khám thai đầu tiên
- ☐ b. Bảng định lượng glycemia bất kì ở lần khám thai đầu tiên
- ☐ c. Bảng dip-stick tìm đường niệu ở lần khám thai đầu tiên
- ☐ d. Bảng định lượng HbA1C ở lần khám thai đầu tiên

Question 5

Not yet
answered

Marked out of
1.00

5. Hãy cho biết nhược điểm của OGTT-75?

- ☐ a. Chỉ là test tầm soát. Phải làm thêm test chẩn đoán nếu kết quả tầm soát (+)
- ☒ b. Có thể nhận diện nhầm một thai kì bình thường là có đái tháo đường thai kì
- ☐ c. Không giúp phân biệt đái tháo đường trong thai kì với đái tháo đường thai kì
- ☐ d. Test đòi hỏi điều kiện chuẩn bị thực hiện nghiêm ngặt, nên thai phụ khó tuân thủ

Question 6

Not yet
answered

Marked out of
1.00

6. Một cách khái quát, trong “dọa sanh non” khi nào việc dùng thuốc giảm co là chính đáng?

- ☐ a. Khi có chiều dài kênh tử cung ngắn ở thai phụ có tuổi thai thỏa định nghĩa của sanh non
- ☒ b. Khi nguy cơ sẽ sanh non là cận kề, đồng thời có chỉ định dùng corticosteroid liệu pháp
- ☐ c. Khi xuất hiện các cơn co tử cung ở thai phụ có tuổi thai thỏa định nghĩa của sanh non
- ☐ d. Khi xảy ra tình trạng vỡ ối non ở thai phụ có tuổi thai thỏa định nghĩa của sanh non

Question 7

Not yet
answered

Marked out of
1.00

7. So sánh giữa khâu vòng cổ tử cung và vòng nâng cổ tử cung trong dự phòng sanh non, chúng giống nhau ở điểm nào?

- ☐ a. Có kĩ thuật thực hiện cùng khá đơn giản
- ☒ b. Có phạm vi chỉ định tương đối giống nhau
- ☐ c. Cùng là những can thiệp xâm lấn tối thiểu
- ☐ d. Hoạt động trên những nguyên lí giống nhau

Question 8

Not yet
answered

Marked out of
1.00

8. So sánh giữa progesterone và “thuốc giảm co chính danh” trong quản lý sanh non, chúng giống nhau ở điểm nào?

- ☐ a. Khác nhau về mọi mặt
- ☐ b. Khả năng cắt cơn co
- ☒ c. Mục đích sử dụng
- ☐ d. Chống chỉ định

Question 9

Not yet
answered

Marked out of
1.00

9. Khi đã có chỉ định dùng thuốc giảm co để điều trị sanh non, cần tuân thủ nguyên tắc nào?

- ☐ a. Thời gian dùng thuốc giảm co không được ngắn hơn 48 giờ
- ☐ b. Thời gian dùng thuốc giảm co không được dài hơn 48 giờ
- ☐ c. Giảm co và cortico steroid phải được bắt đầu cùng lúc
- ☒ d. Phải tuân thủ đủ ba nguyên tắc trên khi dùng giảm co

Question 10

Not yet
answered

Marked out of
1.00

10. Kết luận “can thiệp điều trị sanh non đã thành công” phải được căn cứ trên tiêu chuẩn nào?

- ☐ a. Sự biến mất hoàn toàn của các cơn co tử cung
- ☐ b. Em bé được sanh khi tuổi thai đã ≥ 34 tuần 0/7
- ☒ c. Trì hoãn thời điểm xảy ra cuộc sanh ≥ 48 giờ
- ☐ d. Khi điều trị đồng thời đạt đủ 3 tiêu chuẩn trên

Question 11

Not yet
answered

Marked out of
1.00

11. Khi xây dựng biểu đồ tăng trưởng intergrowth-21st, người ta đã dựa trên những luận cứ nào?

- ☐ a. Accuracy của biểu đồ rất cao do nó được xây dựng trên cỡ mẫu rất lớn
- ☒ b. Bất luận thai ở dân số nào thì phát triển cũng phải đạt chuẩn tối thiểu
- ☐ c. Cân nặng ước tính của thai là giống nhau ở các chủng tộc khác nhau
- ☐ d. Tăng trưởng bào thai là như nhau ở các điều kiện xã hội khác nhau

Question 12

Not yet
answered

Marked out of
1.00

12. Khi đặt hai công cụ khảo sát tăng trưởng bào thai là (A) biểu đồ tăng trưởng dùng thông số tham chiếu theo dân số (references) và (B) biểu đồ tăng trưởng theo chuẩn mực chỉ định (prescriptive standards) lên cùng một hệ trục tọa độ Descartes, bạn nhận thấy điều gì?

- ☐ a. Một cách tổng quát thì các đường percentile của (A) sẽ nằm thấp hơn các đường percentile của (B)
- ☐ b. Một cách tổng quát thì các đường percentile của (A) sẽ trùng khớp với các đường percentile của (B)
- ☐ c. Một cách tổng quát thì các đường percentile của (A) sẽ nằm cao hơn các đường percentile của (B)
- ☒ d. Không thể có nhận định tổng quát, do mỗi một dân số chịu ảnh hưởng của các tác động khác nhau

Question 13

Not yet
answered

Marked out of
1.00

13. Khi đã xác định là thai có giới hạn tăng trưởng (FGR) khởi phát muộn, khi nào cần thực hiện modified BPP?

- ☒ a. Là khảo sát bắt buộc trong mỗi lần khám
- ☐ b. Khi contraction stress test bất thường
- ☐ c. Khi velocimetry Doppler bất thường
- ☐ d. Khi non-stress test bất thường

Question 14

Not yet
answered

Marked out of
1.00

14. Khi đã xác định là thai có giới hạn tăng trưởng (FGR) khởi phát muộn, khi nào cần thực hiện velocimetry Doppler?

- ☐ a. Là khảo sát bắt buộc trong mỗi lần khám
- ☒ b. Khi contraction stress test bất thường
- ☐ c. Khi non-stress test bất thường
- ☐ d. Khi modified BPP bất thường

Question 15

Not yet
answered

Marked out of
1.00

15. Vai trò của velocimetry Doppler là gì trong thiết lập chẩn đoán thai với giới hạn tăng trưởng (FGR) khởi phát muộn?

- ☐ a. Để đánh giá mức độ chậm tăng trưởng
- ☒ b. Để đánh giá mức độ thai bị đe dọa
- ☐ c. Để xác định có chậm tăng trưởng
- ☐ d. Nhằm vào cả ba mục tiêu trên

Question 16

Not yet
answered

Marked out of
1.00

16. Nên dùng kiểu mô hình dự báo nào (model) để nhận diện những đối tượng có nguy cơ cao sẽ mắc tiền sản giật?

- ☐ a. Dùng kiểu mô hình thuần túy dựa trên lâm sàng
- ☐ b. Dùng kiểu mô hình dựa trên lâm sàng và biomarkers
- ☐ c. Không có kiểu mô hình nào cho phép dự báo tiền sản giật
- ☒ d. Hiện nay, chưa có kiểu mô hình nào được chứng minh là vượt trội

Question 17

Not yet
answered

Marked out of
1.00

17. Bản chất của điều trị dùng magnesium sulfate cho thai phụ bị tiền sản giật là gì?

- ☐ a. Là điều trị nguyên nhân
- ☐ b. Là điều trị triệu chứng
- ☒ c. Là điều trị dự phòng
- ☐ d. Là điều trị toàn diện

Question 18

Not yet
answered

Marked out of
1.00

18. Bản chất của điều trị dùng thuốc chống tăng huyết áp cho thai phụ bị tiền sản giật là gì?

- ☐ a. Là điều trị nguyên nhân
- ☒ b. Là điều trị triệu chứng
- ☐ c. Là điều trị dự phòng
- ☐ d. Là điều trị toàn diện

Question 19

Not yet
answered

Marked out of
1.00

19. Ở tiền sản giật với dấu hiệu nặng hay sản giật, liều đầu của MgSO_4 bị chống chỉ định trong trường hợp nào?

- ☒ a. Nhịp thở ≤ 16 nhịp/phút
- ☐ b. Khi đã rơi vào hôn mê
- ☐ c. Nước tiểu ≤ 60 mL/giờ
- ☐ d. Khi đã xảy ra sản giật

Question 20

Not yet
answered

Marked out of
1.00

20. Khi thực hiện siêu âm khảo sát động học dòng chảy bằng Doppler ở thai phụ có tiền sản giật, có thể thấy dấu hiệu nào?

- ☐ a. Trở kháng động mạch tử cung và trở kháng động mạch rốn cùng bình thường
- ☐ b. Trở kháng động mạch tử cung tăng cao, trở kháng động mạch rốn bình thường
- ☐ c. Trở kháng động mạch tử cung bình thường, trở kháng động mạch rốn tăng cao
- ☒ d. Trở kháng động mạch tử cung và trở kháng động mạch rốn cùng tăng cao

